TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 10 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Nông Thị T** – sinh năm 1999

Địa chỉ: Bản P, xã L, huyện T, tỉnh C

- Bị đơn: **Nguyễn Thành D** – sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: **Nông Thị T** – sinh năm 1999

Địa chỉ: Bản P, xã L, huyện T, tỉnh C

- Bị đơn: **Nguyễn Thành D** – sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị **Nông Thị T** và anh **Nguyễn Thành D**

- ***Về con chung:*** Có con chung là Nguyễn Quốc V, sinh ngày 26/11/2016, giới tính: Nam hiện đang ở với anh Nguyễn Thành D tại: Xóm N, xã Đ, huyện T, tỉnh C.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung như sau:

Sau khi ly hôn anh D sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Quốc V sinh ngày 26/11/2016 (Giới tính: Nam) cho đến khi con thành niên. Anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh D cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- ***Về tài sản chung:*** Hai bên xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Nợ chung***: Hai đương sự xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Về án phí:***

Chị Nông Thị T và anh Nguyễn Thành D mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung công quỹ nhà nước.

Hai đương sự tự nguyện thỏa thuận chị Nông Thị T chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) sung công quỹ nhà nước. Nay được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Nông Thị T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002026 ngày 13/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C. Chị Nông Thị T được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh C;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Vũ Hoàng